UBND TỈNH HÀ GIANG **CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/QĐ-CTN	*Hà Giang, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ/2020-ĐHĐCĐNK ngày 10/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II (2020-2025);

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ/2020-HĐQT ngày 10/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang (gồm 11 Chương và 47 Điều).

Điều 2. Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang đã được sửa đổi và bổ sung, có hiệu lực áp dụng kể từ ngày bản Điều lệ này được thông qua trước Đại hội cổ đông thương niên năm 2020 và được 100% cổ đông tham dự đại hội nhất trí biểu quyết.

Điều 3. Các ông (bà) Hội đồng quản trị - Ban giám đốc; Ban kiểm soát; các phòng Hành chính, Kế toán, Kế hoạch, Tổ chức - Lao động tiền lương; các Đội, Trạm, Nhà máy sản xuất, Chi nhánh trực thuộc và Người lao động trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: - Như Điều 3 (Thực hiện); - Lưu: VT,HC-CT.	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **GIÁM ĐỐC** M.S.D.N: 5100306079-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC T.HÀ GIANG TP.HÀ GIANG - T.HÀ GIANG **Nguyễn Vĩnh Phú**

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4
Điều 1. Định nghĩa 4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6
Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty 6
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động 7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 7
Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7
Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu 8
Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác 9
Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần 9
Điều 10: Thừa kế cổ phần 9
Điều 11: Thu hồi cổ phần 10
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông 10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 11
Điều 13: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 11
Điều 14: Quyền của cổ đông 11
Điều 15: Nghĩa vụ của cổ đông 12
Điều 16: Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 17: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 18: Các đại diện được ủy quyền 16
Điều 19: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 20: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 21: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 22: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 23: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 24: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 25: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 22
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) 22
Điều 26: Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ của HĐQT, thù lao, tiền lương, tiền thưởng và chí phí hoạt động của HĐQT 22
Điều 27: Tiêu chuẩn thành viên HĐQT và điều kiện đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị 23
Điều 28: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 23
Điều 29: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty 25
Điều 30: Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty 26

Điều 31: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:.....28
Điều 32: Thư ký Công ty.....29
CHƯƠNG VIII. BAN KIỂM SOÁT.....30
Điều 33: Ban kiểm soát.....30
Điều 34: Thành viên Ban kiểm soát.....31
1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát: 31
Điều 35: Lao động - tuyển dụng và bố trí lao động. 32
Điều 36: Tiền lương của người lao động. 33
Điều 37: Trách nhiệm và quyền lợi của người lao động.....33
CHƯƠNG X. KẾ TOÁN KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 34
Điều 38: Nguồn tài chính 34
Điều 39: Hạch toán kế toán 34
Điều 40. Kiểm toán 35
Điều 41: Phân phối lợi nhuận sau thuế và lập các quỹ phúc lợi 35
Điều 42: Xử lý lỗ trong kinh doanh. 36
Điều 43. Giải quyết tranh chấp.....36
Điều 44. Giải thể Công ty.....36
Điều 45. Phá sản.....37
Điều 46: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....37
Điều 47: Hiệu lực của Điều lệ 37

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;

- Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang V/v phê duyệt chủ trương thoái vốn 15% vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang;

- Nghị quyết số 24/NQ-ĐH, ngày 07/02/2015 của Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang; Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-CTN, ngày 10/02/2015 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông Nhiệm kỳ II (2020-2025) Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang đã nhất trí thông qua những nội dung của bản Điều lệ đã được sửa đổi bổ sung một số nội dung và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định Điều 5 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

đ. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

e. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận

tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

– Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG**

– Tên tiếng Anh: **HA GIANG WATER SUPPLY AND DRAINAGE JOINT STOCK COMPANY**

– Tên viết tắt: **CÔNG TY CP CTN TỈNH HÀ GIANG**

2. Công ty cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang, được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang - là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Hà Giang thành công ty cổ phần. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty; Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

– Số 34 - Đường An Cư - Tổ 5 - Phường Trần Phú - Thành phố Hà Giang - Tỉnh Hà Giang

– Điện thoại: 02193.866.358

– Fax: 02193.862.823

– E-mail: capnuochg@yahoo.com

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Kiêm giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; tăng cổ tức cho cổ đông; đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước *- Chi tiết: Sản xuất, khai thác và phân phối nước sinh hoạt.*	3600 (chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan *- Chi tiết: Tư vấn, khảo sát thiết kế, giám sát công trình cấp thoát nước, công trình xử lý nước thải;* *- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.*	7110
3	Xây dựng nhà các loại *- Chi tiết: Xây dựng các công trình nhà dân dụng*	4100
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ *Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông đường bộ.*	4210
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *- Chi tiết: Làm nhà cho thuê.*	8299
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *- Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vật tư, thiết bị ngành nước và các hoạt động kinh doanh khác.*	4663
7	Thoát nước và xử lý nước thải *- Chi tiết: Kinh doanh hoạt động công ích, thoát nước và xử lý nước thải.*	3700
8	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu *- Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ hoạt động thể thao, vui chơi và bể bơi.*	9329
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng *-Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.*	1104
10	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác *- Xây dựng các công trình cấp thoát nước; nhà công nghiệp.*	4290

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và tổ chức các Đoàn thể Công ty.

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM… trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật Việt Nam và Điều lệ của từng tổ chức đó.

Công ty có trách nhiệm tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trong Công ty tiếp tục tham gia trong các tổ chức theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **11.760.450.000** đồng *(Bằng chữ: Mười một tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).*

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **1.176.045** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng (*Bằng chữ: mười nghìn đồng*).

Trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp là **4.233.770.000** đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)* tương đương 423.377 cổ phần bằng 36% vốn điều lệ.

Quản lý vốn nhà nước tại công ty

a) UBND tỉnh Hà Giang là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty.

b) Việc cử người đại diện quản lý phần vốn góp Nhà Nước tại Công ty do UBND tỉnh Hà Giang quyết định theo quy định hiện hành của Nhà nước và UBND tỉnh Hà Giang.

c) Người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định hiện hành của Nhà nước và UBND tỉnh Hà Giang. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức … người đại diện phải chủ động báo cáo đại diện chủ sở hữu vốn cho ý kiến bằng văn bản, người đại diện có trách nhiệm phát biểu trong cuộc họp và biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo của đại diện chủ sở hữu.

d) Người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty phải được ghi rõ tỷ lệ phần trăm (%) và giá trị phần vốn nhà nước tham gia quản lý.

e) Cổ phần được quyền chào bán của công ty cổ phần là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Số cổ phần được quyền chào bán của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng số cổ phần các loại mà công ty sẽ bán để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.

2. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Điều 129, Điều 130 Luật doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ

phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần đồng thời cổ đông phải cam kết chứng nhận cổ phiếu thực sự bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy; chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới và thực hiện thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu công ty sau khi được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần thuộc sở hữu của nhà đầu tư chiến lược tại thời điểm thành lập không được chuyển nhượng trong thời hạn năm (03) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần được mua ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần. Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 10: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

a. Người thừa kế duy nhất theo luật định;

b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, đồng thời thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

3. Việc chuyển nhượng, thừa kế cổ phần chỉ được Công ty công nhận sau khi đã đăng ký tên, địa chỉ của người nhận chuyển nhượng, thừa kế vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

Điều 11: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu. Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là tài sản của công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi xuất cho vay 12 tháng của ngân hàng đầu tư và phát triển vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông (theo điều 121 Luật Doanh nghiệp).

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát (Khi công ty có trên 11 cổ đông là cá nhân hoặc cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty thì thành lập Ban kiểm soát).
4. Giám đốc điều hành.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

2. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông, hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; mỗi cổ phần phổ thông tương ứng một phiếu biểu quyết;

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3,4 Điều 9 Điều lệ này;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà từng cổ đông sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên trừ đại hội lần đầu có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp; Quyền dự họp Đại hội cổ đông theo Điều 137; Chương trình và nôi dung họp Đại hội cổ đông theo Điều 138; Mời họp Đại hội cổ đông theo điều 139 Luật Doanh nghiệp 2014.

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e. Các quyền khác được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 15: Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. Chịu trách nhiệm

về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Cung cấp địa chỉ, thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 16: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường ít nhất mỗi năm một lần.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có thể gia hạn theo đề nghị của Hội đồng quản trị, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng, các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý lãnh đạo công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 136 Luật Doanh nghiệp, hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 4 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 17: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Mức cổ tức với mỗi cổ phần của từng loại;

e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính công ty;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị. Quyết định lương thưởng và lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g. Thông qua chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;

h. Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty;

i. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Mục n Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18: Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3,4,5 Điều 16 Điều lệ này. Đại hội cổ đông phải họp thường niên trong thời gian 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng thời gian không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày (bảy ngày) làm việc trước ngày khai mạc.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

5. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ

đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 20: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp thì trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai (02) chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 21: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng

làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.

5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Điều 22: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể Công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc

thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp);

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp);

3. Đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì các vấn đề được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 23: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định Điều 146 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng (bốn mươi lăm) 45 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Điều 26: Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ của HĐQT, thù lao, tiền lương, tiền thưởng và chí phí hoạt động của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của đại hội cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Việc thay thế thành viên hội đồng quản trị theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong HĐQT có ít nhất 1/3 (một phần ba) thành viên cũ.

Trong nhiệm kỳ, đại hội cổ đông thường niên hay bất thường có thể bãi miễn hay bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

2. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT và các lợi ích khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh do đại hội cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT. Mọi chi phí hợp lý của HĐQT phục vụ cho SXKD được tính vào chi phí của công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27: Tiêu chuẩn thành viên HĐQT và điều kiện đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên, có năng lực kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty, có khả năng tổ chức quản lý doanh nghiệp, hiểu biết về pháp luật hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% trở lên có quyền đề cử năm (05) ứng viên.

3. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của công ty.

Điều 28: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quả trị có quyền hạn và trách nhiệm:

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty;

d. Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác của Công ty. Quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm;

f. Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hai cho Công ty.

g. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

i. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

j. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, chuyển đổi và các chứng chỉ cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

k. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.

n. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

o. Thành lập các công ty con của Công ty;

p. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);

q. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

r. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

s. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 50% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

t. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

u. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

v. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

w. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

x. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty;

y. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

4. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 29: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc điều hành công ty do HĐQT công ty bầu ra và là người đại diện theo pháp luật, được lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn ứng cử chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc điều hành công ty:

Phải có trình độ đại học chuyên nghành quản trị kinh doanh, kinh tế tổng hợp, các nghành kỹ thuật; hoặc chuyên về lĩnh vực cấp thoát nước và có năng lực, kinh nghiệm ít nhất ba năm công tác quản lý trong lĩnh vực cấp thoát nước;

Có phẩm chất đạo đức tốt, được cán bộ công nhân viên trong công ty tin tưởng, có tâm huyết với công ty, có khả năng ngoại giao, có uy tín với khách hàng, bạn hàng;

Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ nào tại các tổ chức kinh tế khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty có trách nhiệm triệu tập và làm chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 30: Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

1. Quản lý điều hành mọi hoạt động sản kinh doanh của Công ty và là người đại diện pháp nhân trong mọi công việc giao dịch.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty.

3. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.

4. Nhận, chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển số vốn được giao. Xây dựng quyết định kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn và hằng năm của Công ty. Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, Qui chế tài chính của Công ty. Xây dựng phương án kế hoạch lao động, sử dụng lao động của Công ty. Công khai báo cáo tài chính theo quy định hiện hành; Chịu trách nhiệm về kế hoạch sản xuất và hiệu quả kinh doanh của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua Đại hội đồng cổ đông; Chịu sự kiểm tra giám sát của Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn của Công ty.

6. Quyết định giá mua, giá bán nguyên, nhiên vật liệu, sản phẩm với giá trị tối đa là 30% theo giá trị tài sản của Công ty trong báo cáo tài chính gần nhất (trừ những sản phẩm dịch vụ nhà nước định giá).

7. Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

8. Kí kết các hợp đồng kinh tế nhân danh Công ty theo luật định.

9. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và những khó khăn, thuận lợi, những vấn đề mới nảy sinh, những kiến nghị trong các phiên họp định kỳ hàng tháng để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

10. Xây dựng các nội quy, quy chế quản lý Công ty nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế, bảo vệ tài sản, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ,vệ sinh môi trường, ký thỏa ước lao động tập thể với đại diện người lao động. Đề suất Hội đồng quản trị về quyết định cơ cấu tổ chức, biên chế bộ máy quản lý, thành lập các đơn vị bộ phận trực thuộc Công ty.

11. Xây dựng quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng cho CBCNV trên cơ sở quỹ tiền lương, tiền thưởng của Công ty đã được hội đồng quản trị duyệt; Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế về quản lý tài sản.... theo đúng quy định.

12. Đại diện cho Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty.

13. Có quyền quyết định về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

14. Có quyền từ chối thực hiện quyết định của các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát

15. Tuyển dụng, thuê mướn, ký kết hợp đồng lao động. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ Hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật lao động, Điều lệ Công ty, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động, Quy chế tiền lương thưởng của Công ty.

Giám đốc Công ty là người quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc cần tuyển dụng.

Giám đốc Công ty chấm dứt và thanh lý hợp đồng theo luật lao động đối với CBCNV không hoàn thành nhiệm vụ và vi phạm các nội quy quy định, điều lệ của công ty.

16. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, địch hại, hỏa hoạn, sự cố mất an toàn và chịu trách nhiệm về các Quyết định này đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm phó giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phó các bộ phận. Khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ dưới quyền sau khi đã thỏa thuận với hội đồng quản trị.

18. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

19. Ủy quyền, ủy nhiệm của Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho phó Giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình. Việc ủy quyền, ủy nhiệm phải thực hiện bằng văn bản; Người được Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc và trước pháp luật về việc mình làm.

20. Bị miễn nhiệm trong trường hợp ba năm liên tiếp của nhiệm kì khi không hoàn thành đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty (trừ trường hợp vì lí do bất khả kháng).

21. Giúp việc cho Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc có:

a. Một hoặc hai phó Giám đốc, Kế toán trưởng do hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc;

b. Các trưởng các phòng nghiệp vụ, đội trưởng sản xuất kinh doanh do Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm.

22. Giám đốc công ty được hưởng lương, thưởng, các lợi ích khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

23. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch hội đồng quản trị và các chức danh Phó giám đốc, kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát được tiến hành ngay sau khi bầu ra hội đồng quản trị, ban kiểm soát và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn chậm nhất bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số cổ phần lớn hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ, hoặc có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;

b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát.

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 0 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 32: Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

CHƯƠNG VIII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 33: Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát này có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165, 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;

b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d) Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý; Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty.

e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

i. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

j. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

k. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Ban kiểm soát có quyền xem bất cứ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty và người quản lý có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các

thông tin về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu cầu của Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật DN.

Điều 34: Thành viên Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát:

Có đủ năng lực hành vi dân sự và không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan theo quy định tại Điểm a, c và đ Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp. Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, có khả năng thực hiện kiểm soát và kinh nghiệm nghề nghiệp về tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc kinh nghiệm thực tế về quản lý điều hành trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty từ ba (03) năm trở lên và tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.

Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một (01) thành viên có chuyên môn kế toán hoặc kiểm toán viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm theo nhiệm kỳ của HĐQT và thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Quy định khác của pháp luật.

CHƯƠNG IX.
CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG - TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG -TIỀN LƯƠNG

Điều 35: Lao động - tuyển dụng và bố trí lao động.

Trong quá trình sản xuất nếu xét thấy cần thiết phải bổ sung lao động thì sẽ tuyển dụng các đối tượng sau:

Là người có bằng cấp, chuyên môn kỹ thuật, có năng lực kinh nghiệm, hoặc người phù hợp với công việc cần tuyển, có phẩm chất đạo đức tốt. Các đối tượng khi tuyển dụng đều phải qua sơ tuyển và được HĐQT chấp nhận.

Hàng năm Công ty căn cứ vào khối lượng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và tình hình sử dụng lao động của năm trước để xây dựng kế hoạch sử dụng lao động cho phù hợp với vị trí việc làm và chức danh công việc của từng người. Kế

hoạch sử dụng lao động phải được Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi thực hiện.

Điều 36: Tiền lương của người lao động.

1. Tiền lương của người lao động trong công ty được thực hiện theo nguyên tắc: làm việc gì hưởng lương theo việc đó, cấp bậc đó trên cơ sở hiệu quả chất lượng công việc được giao.

2. Người lao động trực tiếp được hưởng mức lương khoán sản phẩm hay khối lượng công việc, Giám đốc sẽ có quy chế chi trả lương cụ thể cho từng loại công việc, sản phẩm làm ra cho phù hợp và quy chế này được thông qua HĐQT phê duyệt.

3. Người lao động có thành tích trong lao động sản xuất, công tác hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật thì được xét hưởng mức thưởng theo quy định.

4. Các chế độ BHXH - BHYT, bảo hộ lao động và các chế độ khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế hoạt động của Công ty.

Điều 37: Trách nhiệm và quyền lợi của người lao động.

1. Người lao động trong Công ty được hưởng các quyền lợi:

a) Phúc lợi xã hội theo điều lệ Công ty.

b) Được trả lương đúng với năng lực hiệu quả công được giao (theo quy chế chi trả lương của Công ty)

c) Được xét nâng bậc lương, và các quy định khác theo Bộ luật lao động.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người lao động.

a) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi Chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, điều lệ và các quy chế của Công ty.

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình quy phạm kỹ thuật ATVSLĐ, an ninh trật tự xã hội trong Công ty, bảo vệ tài sản chung của Công ty.

b) Có ý thức trách nhiệm với công việc được giao, có tinh thần xây dựng và gắn bó xây dựng Công ty.

Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký với Giám đốc Công ty; Thực hiện nghiêm các Nội quy, Quy chế, Thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác có liên quan.

Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ, đột xuất do Công ty triệu tập, tích cực tham gia đóng góp ý kiến, đề cao tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình. Thực hiện nghiêm chỉnh tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Nếu người lao động vi phạm kỷ luật, quy chế và điều lệ của Công ty thì phải chịu các hình thức, kỷ luật và bồi thường trách nhiệm vật chất theo quy định của Bộ luật lao động và nội quy của Công ty.

CHƯƠNG X. KẾ TOÁN KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 38: Nguồn tài chính

1. Công ty cổ phần Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang là doanh nghiệp hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi có trách nhiệm bảo toàn tăng trưởng vốn của Chủ sở hữu và các Cổ đông góp vốn.

2. Trách nhiệm của Công ty trong mối quan hệ kinh tế cũng như dân sự được giới hạn nguồn vốn điều lệ của Công ty.

3. Phải tuân thủ nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán theo quy định hiện hành, lập sổ sách kế toán, báo cáo đầy đủ theo quy định.

4. Niên khóa tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch cho đến hết ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

5. Kết thúc năm tài chính thì HĐQT xem xét thông qua các báo cáo tài chính của năm để trình đại hội cổ đông gồm:

Báo cáo tài chính, kiểm kê tài sản, báo cáo lỗ, các bảng phân tích giải trình tình hình tài chính của Công ty.

Báo cáo các khoản nộp ngân sách nhà nước.

Báo cáo kiểm tra, thẩm định của ban kiểm soát về các báo cáo tài chính.

Các báo cáo này phải được giữ cho Ban kiểm soát trước mười lăm (15) ngày và cho HĐQT, các phòng chức năng trước mười (10) ngày để xem xét.

6. Sau đại hội đồng cổ đông các văn bản này cùng biên bản của đại hội đồng cổ đông và các văn bản khác có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty trong thời hạn theo quy định.

Điều 39: Hạch toán kế toán

1. Việc hạch toán kế toán của Công ty thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp và pháp luật thống kê kế toán hiện hành.

2. Trong năm tài chính phòng tài vụ có trách nhiệm xây dựng quyết toán làm 2 kỳ:

a. Kỳ thứ nhất kết thúc 30/6, hồ sơ quyết toán kỳ thứ nhất phải hoàn thành trước 31/7 và được ban kiểm soát xác nhận. Báo cáo quyết toán kỳ thứ nhất được trình hội đồng quản trị vào phiên họp tháng 8.

b. Kỳ thứ hai kết thúc 31/12 hàng năm và là quyết toán năm. Hồ sơ quyết toán năm phải hoàn thành trước 31/01 trong trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng không quá 31/03 của năm sau và được ban kiểm soát xác nhận. Báo cáo quyết toán năm phải được kiểm toán và được trình HĐQT vào phiên họp tháng hai hoặc tháng tư. Hội đồng quản trị xem xét thông qua quyết toán để trình đại hội cổ đông thường niên. Hồ sơ quyết toán tài chính năm gồm:

- Bảng cân đối kế toán của Công ty.
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối năm.

- Các phụ biểu, chi tiết kèm theo quyết toán.

c. Sau đại hội đồng cổ đông các văn bản, biên bản có liên quan của đại hội và tất cả các chứng từ có liên qua phải được lưu trữ tại tủ hồ sơ văn phòng Công ty theo luật định.

Điều 40. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

Điều 41: Phân phối lợi nhuận sau thuế và lập các quỹ phúc lợi

Lợi nhuận: Lợi nhuận hàng năm thực hiện của Công ty sau khi bù đắp các khoản lỗ của năm trước theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và theo các quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

Trừ các khoản chi phí thực tế có chi liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.

Phân phối lợi nhuận: Tổng số lợi nhuận sau khi đã thực hiện hết các nghĩa vụ với Nhà nước và các khoản nộp khác, trích lập các quỹ theo quy định của Công ty. Số lợi nhuận còn lại thuộc quyền sở hữu của các Cổ đông và do đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định chia đều cho các cổ tức.

Trả cổ tức chỉ được tiến hành sau khi báo cáo tài chính hàng năm đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trích lập các quỹ

Việc lập sử dụng các quỹ theo quy định của đại hội đồng cổ đông và phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty. Hàng

năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, lợi nhuận được phân bổ và trích lập các quỹ là 25% (tổng các quỹ) để khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích hoạt động trong năm như: thăm quan du lịch, nghỉ mát, nghỉ điều dưỡng, thăm hỏi, hiếu hỉ, khen thưởng cho các cổ đông và các mục đích phúc lợi khác.

Nếu điều kiện cho phép khi kinh doanh thuận lợi thì trợ cấp cho những người được cử đi đào tạo chuyên môn, kỹ thuật nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về phục vụ lâu dài cho Công ty; 75% còn lại dùng để chia cổ tức.

Điều 42: Xử lý lỗ trong kinh doanh.

1. Trường hợp khi Công ty bị thua lỗ, do đại hội đồng cổ đông quyết định bằng các biện pháp:

2. Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.

3. Chuyển một phần hoặc toàn bộ số lỗ sang năm sau.

CHƯƠNG XI. TRANH CHẤP, GIẢI THỂ PHÁ SẢN

Điều 43. Giải quyết tranh chấp.

1. Tranh chấp nội bộ, Công ty có thể được giải quyết trên phương thức tự thỏa thuận nội bộ, nếu không giải quyết được sẽ thông qua cơ quan Pháp luật có thẩm quyền.

2. Tranh chấp bên ngoài, Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng tranh chấp. Đại diện hợp pháp của Công ty sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật.

Điều 44. Giải thể Công ty.

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn, hoặc xin gia hạn nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

b) Theo quyết định của Chủ sở hữu.

c) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục giải thể: Theo quy định hiện hành.

Thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp:

Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

Nợ thuế và các khoản nợ khác: Sau khi thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về Chủ sở hữu Công ty.

Điều 45. Phá sản.

Việc phá sản Công ty thực hiện theo thủ tục của pháp luật về phá sản Doanh nghiệp.

Điều 46: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 47: Hiệu lực của Điều lệ

1. Bản điều lệ này gồm 11 Chương 47 Điều. Điều lệ của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư góp vốn mua cổ phần dự họp chấp thuận và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì Điều lệ này chính thức có hiệu lực áp dụng.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Uỷ ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC

Điều 45. Phá sản.

Việc phá sản Công ty thực hiện theo thủ tục của pháp luật về phá sản Doanh nghiệp.

Điều 46: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 47: Hiệu lực của Điều lệ

1. Bản điều lệ này gồm 11 Chương 47 Điều. Điều lệ của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư góp vốn mua cổ phần dự họp chấp thuận và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì Điều lệ này chính thức có hiệu lực áp dụng.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Uỷ ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5100306079-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC T.HÀ GIANG
TP.HÀ GIANG - T.HÀ GIANG

Nguyễn Vĩnh Phú